TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15 – 4 – 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Huệ Anh

Ông Cao Văn Viết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 13/2024/TLST–HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1196/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Tiền Hữu C, sinh năm 1993

Nơi cư trú: Ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Địa chỉ hiện tại: Tỉnh Chiba, thành phố I, noman 1907 – 12 Tatsumidai H, Nhật Bản.

- *Bị đơn:* Bà Đỗ Thị Thanh N, sinh năm 1991;

Nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/01/2024; bản khai và văn bản xin vắng mặt ngày 30/01/2024, nguyên đơn ông Tiền Hữu C *trình bày như sau:*

Ông và bà N quen biết nhau thông qua mạng xã hội, tự nguyện tìm hiểu nhau; nảy sinh tình cảm do cùng là người Việt Nam đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài (Nhật Bản). Hai bên tiến đến hôn nhân dựa trên tinh thần tự nguyện, ông bà tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh ngày 02/12/2022. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống với nhau tại nhà của ông C ở Trà Vinh, được 02 ngày thì cả hai trở qua N để tiếp tục đi làm. Thời gian đầu khi chung sống tại Nhật Bản thì ông bà chung sống với nhau hạnh phúc; tuy nhiên sau đó dần nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Bà N trở về Việt Nam, hai người không còn chung sống từ tháng 02/2023 cho đến nay. Do

khoảng cách địa lý xa xôi nên tình cảm vợ chồng cũng dần phai nhạt. Ông cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng ông là do lối sống của hai bên không hợp nhau, mục đích hôn nhân cũng vì vậy mà không đạt được. Ông cho rằng ly hôn là phương pháp tốt nhất để giải thoát cho mối quan hệ này, tạo điều kiện cho hai bên tự tìm hạnh phúc riêng. Do đó, nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những nội dung sau:

- Về hôn nhân: Ông yêu cầu được ly hôn với bà Đỗ Thị Thanh N.

- Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Do hiện tại ông đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài, công việc của ông bận rộn nên không thể tham gia vụ kiện. Do đó, ông xin được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của vụ án bao gồm tất cả phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, các phiên xét xử của Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, theo văn bản nêu ý kiến và văn bản nêu ý kiến bổ sung của bị đơn bà Đỗ Thị Thanh N *trình bày:*

Bà thống nhất với nội dung khởi kiện của ông Tiền Hữu C về hoàn cảnh, thời gian kết hôn. Về mâu thuẫn dẫn đến ly hôn thì bà cũng thống nhất với ông N, sau khi trở về Việt Nam thì bà và ông N chỉ liên lạc với nhau qua điện thoại; khoảng cách địa lý xa xôi, hai bên không có điều kiện làm việc gần nhau và sống cùng nhau. Từ đó nảy sinh những mâu thuẫn mà không thể giải quyết được. Bà nhận thấy ông bà đã quá vội vã trong việc kết hôn nên mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống vợ chồng không thể kéo dài.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của ông C thì bà cũng đồng ý, cụ thể:

- Về hôn nhân: Bà đồng ý ly hôn với ông Tiền Hữu C.

- Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay, do bà N bận nhiều công việc, thường xuyên phải đi làm xa nhà nên không thể tham gia vụ kiện nên bà xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa ông Tiền Hữu C và bà Đỗ Thị Thanh N là ly hôn, nguyên đơn ông Tiền Hữu C hiện đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài (Nhật Bản); bị đơn bà Đỗ Thị Thanh N nên căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Tiền Hữu C và bà Đỗ Thị Thanh N kết hôn với nhau vào năm 2022 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh, đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 77 ngày 02/12/2022 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống ở Việt Nam được khoảng thời gian ngắn thì cùng trở qua Nhật Bản để làm việc. Thời gian đầu cả hai chung sống hạnh phúc; nhưng thời gian sau đó dần nảy sinh nhiều mâu thuẫn do hai bên khác nhau nhiều về suy nghĩ, lối sống. Sau thời gian chung sống tại Nhật Bản thì bà N trở về Việt Nam từ tháng 02/2023 cho đến nay. Cũng từ đó hai bên cũng ít liên lạc với nhau, không có điều kiện để gần gũi, vun đắp tình cảm vợ chồng cũng như để giải quyết mâu thuẫn giữa hai bên. Vì vậy, ông C khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà N.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhận được văn bản ý kiến của bà Đỗ Thị Thanh N về việc ông thống nhất với nội dung khởi kiện của ông Tiền Hữu C và bà đồng ý ly hôn với ông C, bà N cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng là không thể giải quyết được. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân của bà N và ông C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không có quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc ông C yêu cầu ly hôn với bà N là có cơ sở nên được chấp nhận.

Từ những phân tích trên, nhận thấy việc ông Tiền Hữu C yêu cầu ly hôn với bà Đỗ Thị Thanh N là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông C và bà N không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn nên ghi nhận.

[3] Về con chung: Ông C và bà N đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Ông C và bà N đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Ông C và bà N đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Tòa án cũng không nhận được yêu cầu độc lập của bên thứ ba. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì có liên quan có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch: Ông Tiền Hữu C phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40, Điều 147, Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu , miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của ông Tiền Hữu C đối với bà Đỗ Thị Thanh N.

1.1. Về hôn nhân: Ông Tiền Hữu C được ly hôn với bà Đỗ Thị Thanh N.

1.2. Về con chung: Ông Tiền Hữu C và bà Đỗ Thị Thanh N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

1.3.Về tài sản chung: Ông Tiền Hữu C và bà Đỗ Thị Thanh N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

1.4. Về nợ chung: Ông Tiền Hữu C và bà Đỗ Thị Thanh N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Tòa án cũng không nhận được yêu cầu độc lập của bên thứ ba. Nếu sau này các bên có phát sinh tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Tiền Hữu C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005503 ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre. Ông C đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Ông Tiền Hữu C được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật. Bà Đỗ Thị Thanh N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Ngãi Hùng, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Lương